TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S1** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **73**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 9 năm 2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn N và chị Vương Thị V

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S1, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Cao Lâm.

Bà Ma Thị Thu Loan.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát V.

Ngày 13/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S1 mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/8/2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn Đ, xã Đ1, huyện S1, tỉnh T (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- ***Bị đơn:*** Chị Vương Thị V, sinh năm 1991. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn Đ, xã Đ1, huyện S1, tỉnh T (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh (Nguyễn Văn N) và chị Vương Thị V được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ ngày 03/12/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã Đông Thọ, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại thôn Đ, xã Đ1, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2016, đầu năm 2017 thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, đã nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng

hai vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Đến tháng cuối năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị V đi làm Công ty không về nhà, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Nay mâu thuẫn thực sự trầm trọng, ly thân từ lâu, nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị V.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thế Phong, sinh ngày 02/5/2012 và cháu Nguyễn Mai Lan, sinh ngày 09/12/2015, hiện nay hai cháu đang với anh và bà nội cháu tại thôn Đ, xã Đ1, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu, không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn chị Vương Thị V trình bày: Chị có biết việc anh Nguyễn Văn N làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện S1 vì quá trình Tòa án giải quyết, Tòa án đã niêm yết các văn bản tại Uỷ ban nhân dân xã, thôn và đã giao cho người nhà (bố mẹ) của chị. Người nhà chị đều đã thông báo cho chị biết. Quan điểm của chị cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị (Vương Thị V) và anh Nguyễn Văn N được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ ngày 03/12/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã Đông Thọ, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại thôn Đ, xã Đ1, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng có cuộc sống chung bình thường, cuối năm 2016, đầu năm 2017 thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, đã nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Đến những tháng cuối năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng; cuối năm 2018 thì chị đi làm Công ty không về nhà, anh chị sống ly thân, vợ chồng không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Nay mâu thuẫn trầm trọng, ly thân từ lâu nên anh N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị thì chị hoàn toàn nhất trí ly hôn với anh N.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thế Phong, sinh ngày 02/5/2012 và cháu Nguyễn Mai Lan, sinh ngày 09/12/2015 hiện nay cháu đang ở với anh N và bà nội cháu tại thôn Đ, xã Đ1, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn, chị nhất trí để anh N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị nhất trí với quan điểm của anh N về án phí.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn không có mặt để tham gia tố tụng đầy đủ trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng đã có lời khai và quan điểm giải quyết vụ án, nên đề nghị giải quyết theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho anh Nguyễn Văn N và chị Vương Thị V ly hôn; giao hai cháu Nguyễn Thế Phong, sinh ngày 02/5/2012 và cháu Nguyễn Mai Lan, sinh ngày 09/12/2015 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Vương Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí theo quy định, chị Vương Thị V không phải nộp án phí; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện chị Vương Thị V có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Đ, xã Đ1, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gửi các văn bản tố tụng nhưng chị V không đến Tòa để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị V mới đến Tòa án trình bày quan điểm để giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Vương Thị V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Nhưng vợ chồng chung sống với nhau không hòa thuận, mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân và cả hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Xét tình cảm vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn N và chị Vương Thị V không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Văn N và chị Vương Thị V ly hôn.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Vương Thị V có hai con chung là cháu Nguyễn Thế Phong, sinh ngày 02/5/2012 và cháu Nguyễn Mai Lan, sinh ngày 09/12/2015; hiện nay các cháu đang ở với anh N. Xét nguyện vọng của nguyên đơn, của con chung, của bị đơn, cũng như căn cứ vào kết quả xác minh tại hai bên gia đình, địa phương thì cuộc sống của các cháu vẫn đảm bảo khi ở với anh N, vì thực tế kể từ khi anh N và chị V sống ly thân đến nay thì các cháu vẫn sống cùng anh N. Do đó, cần tuyên xử cho anh Nguyễn Văn N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp. Chị Vương Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Vay nợ chung: Các đương sự xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn N thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên không xem xét, xử lý án phí; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn N ly hôn với chị Vương Thị V.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Thế Phong, sinh ngày 02/5/2012 và cháu Nguyễn Mai Lan, sinh ngày 09/12/2015 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Chị Vương Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn N được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm. Chị Vương Thị V không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S1;
- Chi cục THADS huyện S1;
- UBND xã Đ1 (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Thế

THÀNH V HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Vượng – Nguyễn Danh Long **Bàn Văn Thế**